TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST
Ngày 13/9/2021
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Ngọc Vân.
Ông Đỗ Văn Ngôn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vi Đức Thứ- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/ TLST- DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Vắng mặt.
Địa chỉ: Số 309+311+313 đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: Anh Vi Văn H, sinh năm 1974. Vắng mặt.
Địa chỉ: Số nhà 2.., Tổ dân phố số 2, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
Nơi công tác: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Khu Công nghiệp Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1-Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957. Vắng mặt.
Địa chỉ: Số 309+311+313 đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
2-Chị Dương Thị Mỹ G, sinh năm 1975. Vắng mặt.
Địa chỉ: Số nhà 2.., Tổ dân phố số 2, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Gia đình bà H và anh Vi Văn H không có quan hệ họ hàng gì, chỉ có mối quan hệ quen biết. Trước đây bà H có vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp thì có nhiều lần đi lại, anh H làm phó phòng tín dụng nên bà H đã rất tin tưởng. Nhiều lần anh H đặt vấn đề vay tiền để làm ăn, có mục đích là chung tiền làm ăn mua xe với người khác nên bà H đã cho anh H vay tiền trong thời gian chờ làm thủ tục vay ngân hàng. Bà H cũng biết cả vợ anh

H và hoàn cảnh gia đình của anh H. Do thời gian đã lâu nên bà không nhớ rõ, trước khi cho anh H vay khoản sau thì bà có cho chị G là vợ anh H vay 01 lần thì trả đúng hẹn và đàng hoàng. Năm 2016, theo giấy mà bà H lưu giữ được thì anh H có vay bà số tiền gốc 400.000.000 đồng ngày 22/12/2016. Khi vay anh H viết giấy trực tiếp cho bà H, không có vợ anh H đi cùng và bà có gọi điện cho chị G là vợ anh H để hỏi về việc có cho anh H vay tiền không thì chị G cũng đồng ý, nhưng bà H không có bằng chứng gì về việc có gọi điện cho chị G. Sau khi anh H viết giấy thì bà H trực tiếp đưa tiền cho anh H. Thời hạn vay là 10 ngày, không thỏa thuận và không ghi nhận về lãi suất trong giấy vay, anh H cũng nói là sẽ trả lãi cho gia đình bà. Bà H cũng chỉ xác định cho anh H vay trong vài ngày chứ không cho vay kéo dài.

Sau đó một thời gian thì anh H vẫn không trả nợ, đến hẹn bà đòi và quá nhiều lần đòi thì anh H đưa ra rất nhiều lí do để khất nợ. Anh H lại thỏa thuận với bà H là chuyển sang cho vay lãi tháng. Bà H cũng xuống nơi anh H công tác đòi nợ và làm đơn rất nhiều lần nhưng anh H vẫn không trả lãi và gốc cho bà như đã hứa hẹn.

Đến ngày 13/8/2017 anh H có viết giấy với nội dung chốt nợ cho bà, trong đó anh H xác định nợ bà H số tiền 400.000.000 đồng gốc và 85.000.000 đồng tiền lãi. Giấy này do anh H tự viết, gia đình bà không can thiệp. Về sau nhiều lần bà H đòi thì anh H cũng viết giấy khất nợ nhưng cũng không trả được cho gia đình bà khoản tiền nào.

Nay bà H yêu cầu anh H trả tổng số tiền gốc đã vay là 400.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay 22/12/2016 đến nay đối với số tiền gốc 400.000.000 đồng, trả 1 lần cả gốc, bà không đồng ý để anh H trả dần vì không còn niềm tin vào việc hứa hẹn trả nợ của anh H nữa.

Thực tế thì chị G cũng biết việc anh H đến vay tiền và lấy tiền của gia đình nhà bà nhưng nay bà không có chữ ký của chị G và không có bằng chứng gì về việc bà đã trao đổi với chị G việc anh H vay tiền nên bà cũng không buộc được chị G phải trả nợ cùng anh H.

Số tiền mà gia đình bà cho anh H vay là tiền chung của vợ chồng bà và ông H. Nay bà H yêu cầu anh H phải trả nợ vợ chồng bà.

Bị đơn anh Vi Văn H trình bày: Anh H và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H không có mối quan hệ họ hàng gì. Từ năm 2016 do có nhu cầu huy động vốn làm ăn anh H có nhiều lần vay và trả tiền cho vợ chồng ông H bà H. Nhiều lần vay và trả thì đến ngày 13/8/2017 anh H có viết giấy chốt nợ với ông H bà H là anh có nợ số tiền gốc là 400.000.000 đồng và lãi là 85.000.000 đồng. Số lãi này là tính gộp lại những tháng lãi mà anh không trả được, anh H cũng không nhớ là từ thời điểm cụ thể nào và trên số tiền gốc là bao nhiêu do thời gian đã quá lâu, mọi giấy tờ bà H đều giữ. Mục đích bà viết trong giấy vay là để mua xe ô tô nhưng thực tế đó là lý do mà bà H và ông H yêu cầu anh viết, còn số tiền trước đó anh vay của ông H bà H là để làm ăn, và vay làm nhiều lần. Từ khi chốt nợ ngày 13/8/2017 anh chưa trả được cho ông H bà H khoản tiền gốc hay lãi nào cả. Nay bà H ông H khởi kiện anh đến Tòa án nhân dân huyện Việt Yên yêu cầu anh trả 400.000.000 đồng tiền gốc, 85.000.000 đồng tiền lãi chưa trả được và lãi phát sinh

đối với số tiền trên từ ngày 13/8/2017 thì anh không đồng ý. Anh H chỉ đồng ý trả ông H bà H 400.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền vay gốc 400.000.000 đồng từ ngày 14/8/2017 đến nay. Anh H không đồng ý trả khoản lãi 85.000.000 đồng ghi trong giấy là chưa trả vì sau khi viết giấy anh đã trả cho ông H bà H số tiền 100.000.000 đồng, bà H trừ vào phần lãi, không viết giấy cho anh.

Việc vay nợ giữa anh H và ông H bà H thì vợ anh là Dương Thị Mỹ G sinh năm 1975, trú cùng địa chỉ không biết vì anh không bàn bạc gì với vợ anh và vợ anh không sử dụng khoản tiền vay này. Vì vậy nghĩa vụ trả nợ là của cá nhân anh, không liên quan đến vợ anh.

Anh H đề nghị Tòa án hòa giải phương án trả nợ giữa hai bên vì hiện tại do khó khăn về kinh tế nên anh không có khả năng thanh toán một lần số tiền đã vay cho ông H bà H, mà chỉ có khả năng trả nợ dần.

Hiện nay anh H vẫn cư trú tại thành phố Bắc Giang và làm việc tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp Đ, Bắc Giang.

Ông Nguyễn Văn H trình bày: Số tiền mà gia đình ông cho anh H vay là tiền chung của vợ chồng ông. Nay ông H yêu cầu anh H phải trả nợ vợ chồng ông theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị Mỹ G trình bày: Chị G là vợ anh H nhưng việc anh H vay tiền của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H chị không được biết và cũng không được sử dụng tiền vay đó, không biết anh H sử dụng vào mục đích gì, không dùng vào mục đích phát triển kinh tế gia đình, gia đình chị không có ô tô. Vì vậy trách nhiệm trả nợ cho bà H và ông H là trách nhiệm riêng của anh H không liên quan đến chị G, chị G không có trách nhiệm cũng như nghĩa vụ trả nợ cùng anh H.

Ngày 05/8/2021 bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 85.000.000đồng và yêu cầu anh H phải số tiền nợ gốc 400.000.000đồng và lãi suất theo pháp luật tính từ ngày 22/12/2021 đến khi xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX xử áp dụng các điều 357, 463, 466, 468, 470- Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 244 – Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

Buộc anh Vi Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc 400.000.000đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) và tiền lãi suất tính từ ngày 22/12/2016 đến khi xét xử sơ thẩm vụ án.

Án phí: Anh Vi Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Vi Văn H có địa chỉ công tác tại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Khu Công nghiệp Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn, anh Vi Văn H là bị đơn, ông Nguyễn Văn H, chị Dương Thị Mỹ G là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương theo quy định tại khoản 1 Điều 227- BLTTDS.

[3] Về căn cứ áp dụng luật: Do các đương sự thực hiện giao dịch hợp đồng trước khi BLDS năm 2015 có hiệu lực, nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần áp dụng BLDS năm 2015 và BLTTDS năm 2015 để giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

[4] Nội dung vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn thể hiện ngày 22/12/2016 anh Vi Văn H có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay 10 ngày đến ngày 02/01/2017 sẽ trả đầy đủ; anh H đã viết giấy vay tiền và ký nhận. Tuy nhiên đến ngày 02/01/2017 anh H không trả tiền cho bà H mặc dù bà H đòi nhiều lần nhưng anh H không trả, đến ngày 13/8/2017 anh H lại viết một giấy vay tiền với bà H, ông H và xác định nợ ông H, bà H số tiền 485.000.000đồng (*Trong đó nợ gốc 400.000.000 đồng và lãi suất 85.000.000đồng*) và hẹn đến ngày 27/8/2017 sẽ thanh toán cho bà H, ông H số tiền trên tuy nhiên anh H cũng không thực hiện việc trả nợ cho bà H và ông H; đến ngày 09/10/2019 anh H tiếp tục viết giấy hẹn đến ngày 31/12/2019 sẽ thực hiện việc trả nợ bà H nhưng anh H cũng không thực hiện. Toàn bộ các giấy vay tiền và giấy hẹn trả nợ do anh H tự viết ra và tự ký nhận, trong biên nhận vay tiền không thể hiện lãi suất và anh H tự tính lãi suất nhưng không có chữ ký của bà H và ông H. Nay bà H yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ trả cho bà H 400.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 22/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm và phải trả 01 lần. Anh H thừa nhận nợ bà H 400.000.000đồng tiền gốc và nhất trí trả cho bà H nhưng đề nghị được trả dần và chỉ chấp nhận trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 13/8/2017 cho đến nay. Bà H, ông H không chấp nhận yêu cầu của anh H. HĐXX xét thấy căn cứ sự thừa nhận của anh Vi Văn H có nợ bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà

Nguyễn Thị H là có căn cứ chấp nhận và buộc anh Vi Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H là phù hợp pháp luật.

[5] Về lãi suất: Bà H và ông H yêu cầu anh H phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 22/12/2016 đến khi xét xử sơ thẩm, anh H không chấp nhận trả lãi từ ngày 22/12/2016 mà chỉ chấp nhận trả lãi cho bà H từ ngày 14/8/2017 cho đến nay. Xét yêu cầu lãi suất của bà H và ông H là có căn cứ chấp nhận và buộc anh H phải trả lãi suất cho bà H từ ngày 22/12/2016 là có căn cứ. Căn cứ giấy vay tiền ngày 13/8/2017 anh H có ghi lãi suất là 85.000.000 đồng nhưng không thể hiện lãi suất tính từ thời điểm nào và phần trăm lãi suất bao nhiêu. Như vậy, cần xác định khi vay các bên có thỏa thuận về lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 468 –BLDS năm 2015 để buộc anh Vi Văn Hoan phải có nghĩa vụ trả lãi suất cho bà Nguyễn Thị H kể từ ngày 22/12/2016 đến ngày 13/9/2021 là phù hợp pháp luật. Cụ thể:

400.000.000đồng x 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) x 04 năm 08 tháng 20 ngày = 181.333.000đồng (*Một trăm tám mươi mốt triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*). Như vậy tổng số tiền anh Vi Văn H phải trả bà Hằng và ông H là: Tiền nợ gốc 400.000.000 đồng + 181.333.000đồng tiền lãi = 581.333.000đồng (*Năm trăm tám mươi mốt triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

[6] Đối với việc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 85.000.000đồng đối với anh Vi Văn H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận.

[7] Trong vụ án này chị Dương Thị Mỹ G là vợ anh Vi Văn H không biết việc anh H vay tiền của bà H và ông H, chị G không chấp nhận trả nợ cùng anh H nên không có căn cứ buộc chị G phải có nghĩa vụ trả nợ cùng anh H.

[8] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí DSST, trả lại bà H số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Anh Vi Văn H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[9] Đề nghị của VKS tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

(1) Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244 – Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688, 357, 463, 466, 468, 470- Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

(2) Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc anh Vi Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc 400.000.000đồng và 181.333.000đồng tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là 400.000.000đồng + 181.333.000đồng = 581.333.000 đồng (*Năm trăm tám mươi mốt triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

(3) Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H yêu cầu anh Vi Văn H trả số tiền 85.000.000đồng (*Tám mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(4) Án phí: Anh Vi Văn H phải chịu 27.253.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí DSST.

Trả lại bà Nguyễn Thị H số tiền 11.700.000đồng (*Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000364 ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

(5) Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện Việt Yên;
-CCTHADS huyện Việt Yên;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Văn Hợp